**CÁC HÌNH THÁI TIỀN TỆ**

 Tiền tệ từ xưa cho đến nay đã trải qua các hình thái cơ bản sau :

1. ***Hóa tệ :***

Hóa tệ là hình thái đầu tiên trong quá trình phát triển của đồng tiền. Hóa tệ tức là hình thái tiền tệ xuất phát từ hàng hóa. Hay một hàng hóa nào đó giữ vai trò trung gian trao đổi một cách phổ biến và rộng rãi được gọi là hóa tệ.

Trong các loại hàng hóa được dùng làm tiền được chia thành hai loại: hàng hóa không phải là kim loại và kim loại û.

+ Hóa tệ không kim loại : Là việc dùng hàng hóa không kim loại làm tiền tệ. Đây là hình thái đầu tiên cổ hủ nhất của tiền tệ. Sản xuất và trao đổi hàng hoá ngày càng phát triển. Sự trao đổi không còn ngẫu nhiên, không còn trên cơ sở của định giá giản đơn. Trao đổi đã vượt khỏi cái khung nhỏ hẹp một vài hàng hoá, giới hạn trong một vài địa phương. Sự trao đổi ngày càng nhiều hơn đó giữa các hàng hoá đòi hỏi phải có một hàng hoá có tính đồng nhất, tiện dụng trong vai trò của vật ngang giá, có thể tạo điều kiện thuận lợi trong trao đổi, và bảo tồn giá trị. Những hình thái tiền tệ đầu tiên có vẻ lạ lùng, nhưng nói chung là những vật trang sức hay những vật có thể ăn. Thổ dân ở các bờ biển Châu Á, Châu Phi, trước đây đã dùng vỏ sò, vỏ ốc làm tiền. Lúa mì và đại mạch được sử dụng ở vùng Lưỡng Hà, gạo được dùng ở quần đảo Philippines. Trước Công nguyên, ở Trung Quốc kê và lụa được sử dụng làm tiền…

Khi đóng vai trò là tiền tệ thì hóa tệ không kim loại có các nhược điểm:

- Dễ hư hỏng, khó bảo quản và vận chuyển

- Khó phân chia nhỏ thành đơn vị

- Không được chấp nhận rộng rãi ở nhiều địa phương, vì vậy các hóa tệ không kim loại dần dần bị bãi bỏ và người ta dùng hóa tệ kim loại để thay thế.

+ Hóa tệ kim loại : Là việc sử dụng các kim loại đồng, kẽm, bạc, chì, vàng... để làm chức năng tiền tệ.

Khi sản xuất và trao đổi hàng hoá phát triển kèm theo sự mở rộng phân công lao động xã hội đồng thời với sự xuất thiện của Nhà nước và giao dịch quốc tế thường xuyên. Kim loại ngày càng có những ưu điểm nổi bật trong vai trò của vật ngang giá bởi những thuộc tính bền, gọn, có giá trị phổ biến,… Những đồng tiền bằng kim loại: đồng, chì, kẽm, thiếc, bạc, vàng xuất hiện thay thế cho các hoá tệ không kim loại. Tiền bằng chì chỉ xuất hiện đầu tiên ở Trung Quốc dưới dạng một thỏi dài có lỗ ở một đầu để có thể xâu thành chuỗi. Tiền bằng hợp kim vàng và bạc xuất hiện đầu tiên vào những năm 685 – 652 trước Công nguyên ở vùng Tiểu Á và Hy Lạp có đóng dấu in hình nổi để đảm bảo giá trị. Các đồng tiền bằng kim loại đã sớm xuất hiện ở vùng Địa Trung Hải. Tiền kim loại đầu tiên ở Anh làm bằng thiếc, ở Thuỵ Sĩ và Nga bằng đồng. Khi bạch kim mới được phát hiện, trong thời kỳ 1828– 1844, người Nga cho đó là kim loại không sử dụng được nên đem đúc tiền. Nếu so với các loại tiền tệ trước đó, tiền bằng kim loại, bên cạnh những ưu điểm nhất định cũng đưa đến những bất tiện trong quá trình phát triển trao đổi như: cồng kềnh, khó cất giữ, khó chuyên chở… Cuối cùng, trong các kim loại quý ( quí kim) như vàng, bạc, những thứ tiền thật sự chúng có giá trị nội tại trở nên thông dụng trong một thời gian khá lâu cho đến cuối thế kỷ thứ XIX và đầu thế kỷ thứ XX.

Khoảng thế kỷ thứ XVI ở Châu Âu nhiều nước sử dụng vàng làm tiền, có nước vừa sử dụng vàng vừa sử dụng bạc. Các nước Châu Á sử dụng bạc là phổ biến. Việc đúc quý kim thành tiền ngay từ đầu được coi là vương quyền, đánh dấu kỷ nguyên ngự trị của lãnh chúa vua chúa.Lịch sử phát triển của tiền kim loại quý đã trải qua ba biến cố chủ yếu, quyết định đến việc sử dụng phổ biến tiền bằng kim loại quý.

– Sự gia tăng dân số và phát triển đô thị ở các nước Châu Âu từ thế kỷ XIII

đưa đến sự gia tăng nhu cầu trao đổi. Các mỏ vàng ở Châu Âu không đủ cung ứng.

– Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX bạch kim loại bị mất giá, trong thời gian dài vàng, bạc song song được sử dụng làm tiền; các nước Châu Âu sử dụng cả vàng lẫn bạc. Chỉ các nước Châu Á mới sử dụng bạc (do không đủ vàng) đến cuối thế kỷ XIX bạc ngày càng mất giádo vậy các nước Châu Âu và cả Hoa Kỳ quyết định và sử dụng vàng, các nước Chấu Á như Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Hoa do lệ thuộc sự nhập cảng nguyên liệu máy móc… từ Phương Tây nên cũng bãi bỏ bạc sử dụng vàng. Ở Đông Dương, bạc được sử dụng làm tiền từ 1885 đến 1931. Đến năm 1931 đồng bạc Đông Dương từ bản vị bạc sang bản vị vàng, có thể cho rằng, khoảng từ 1935 chỉ còn một kim loại quý được tất cả các nước chấp nhận làm tiền trên thế giới là vàng.

1. ***Tín tệ :***

Tín tệ là một loại tiền mà bản thân nó không có gía trị, chỉ nhờ vào sự tín nhiệm của mọi người mà được lưu dụng, nó còn được gọi là chỉ tệ, tức là do con người gán cho một giá trị để làm chức năng tiền tệ. Tín tệ có thể bao gồm tiền bằng kim loại và tiền giấy.

+ *Tiền kim loại* : Tiền kim loại thuộc hình thái tín tệ khác với tiền kim loại thuộc hình thái hóa tệ. Trong hóa tệ kim loại, giá trị của kim loại đúc thành tiền bằng giá trị mặt của đồng tiền, còn trong tín tệ kim loại thì giá trị của đồng tiền và giá trị của kim loại sử dụng đúc những đồng tiền không có liên quan với nhau.

Việc sử dụng kim loại để đúc những đồng tiền lẻ thuận tiện cho việc lưu thông và giá trị thực của kim loại nhỏ hơn giá trị biểu hiện.

Vì vậy, ngày nay nhiều quốc gia sử dụng kim loại kém giá trị để đúc tiền lẻ nhằm phục vụ cho những nhu cầu thực tế thay cho tiền giấy.

+ *Tiền giấy* bao gồm tiền giấy khả hoán và tiền giấy bất khả hoán.

– Tiền giấy khả hoán là thứ tiền được lưu hành thay cho tiền vàng hay tiền bạc ký thác ở ngân hàng. Bất cứ lúc nào mọi người cũng có thể đem tiền giấy khả hoán đó đổi lấy vàng hay bạc có giá trị tương đương với giá trị được ghi trên tiền giấy khả hoán đó.

Ở Trung Hoa từ đời Tống đã xuất hiện tiền giấy. Vì những nhu cầu mua bán, các thương gia hình thành từng thương hội có nhiều chi nhánh ở khắp các thị trấn lớn. Các thương gia ký thác vàng hay bạc vào hội sở của thương hội rồi nhận giấy chứng nhận của hội sở thương hội, với giấy chứng nhận này các thương gia có thể mua hàng ở các thị trấn khác nhau có chi nhánh của thương hội, ngoài loại giấy chứng nhận trên triều đình nhà Tống còn phát hành tiền giấy và được dân chúng chấp nhận.

Ở Việt Nam vào cuối đời Trần, Hồ Quý Ly đã thí nghiệm cho phát hành tiền giấy. Nhân dân ai cũng phải nộp tiền đồng vào cho Nhà nước, cứ 1 quan tiền đồng đổi được 2 quan tiền giấy, việc sử dụng tiền giấy của Hồ Quý Ly thất bại vì nhà Hồ sớm bị lật đổ, dân chưa quen sử dụng tiền giấy và sai lầm khi xác định quan hệ giữa tiền đồng và tiền giấy (bao hàm ý nghĩa tiền giấy có giá trị thấp hơn).

Nguồn gốc của tiền giấy chỉ có thể được hiểu rõ khi xem xét lịch sử tiền tệ các nước Châu Âu. Từ đầu thế kỷ thứ XVII, ở Hà Lan ngân hàng Amsterdam đã cung cấp cho những thân chủ gởi vàng vào ngân hàng những giấy chứng nhận bao gồm nhiều tờ nhỏ. Khi cần, có thể đem những tờ nhỏ này đổi lấy vàng hay bạc tại ngân hàng. Trong thanh toán cho người khác các giấy nhỏ này cũng được chấp nhận. Sau đó một ngân hàng Thụy Điển tên Palmstruch đã mạnh dạn phát hành tiền giấy để cho vay. Từ đó ngân hàng Palmstruch có khả năng cho vay nhiều hơn vốn tự có. Với nhiều loại tiền giấy được phát hành, lưu thông tiền tệ bị rối loại vì nhiều nhà ngân hàng lạm dụng gây nhiều thiệt hại cho dân chúng. Do đó, vua chúa các nước phải can thiệp vì cho rằng việc đúc tiền từ xưa là vương quyền và mặt khác việc phát hành tiền giấy là một nguồn lợi to lớn. Vương quyền các nước Châu Âu thừa nhận một ngân hàng tự có quyền phát hành tiền giấy với những điều kiện nhất định:

+ Điều kiện khả hoán: có thể đổi lấy bất cứ lúc nào tại ngân hàng phát hành

+ Điều kiện dự trữ vàng làm đảm bảo: ban đầu là 100% sau còn 40%

+ Điều kiện phải cho Nhà nước vay không tính lãi khi cần thiết.

– Tiền giấy bất khả hoán là thứ tiền giấy bắt buộc lưu hành, mọi người không thể đem tiền giấy này đến ngân hàng để đổi lấy vàng hay bạc.

*Nguồn gốc của tiền bất khả hoán là bởi những nguyên nhân sau:*

+ Thế chiến thứ nhất đã làm cho các quốc gia tham chiến không còn đủ vàng để đổi cho dân chúng. Nước Anh từ năm 1931 đã cưỡng bức lưu hành tiền giấy bất khả hoán, nước Pháp năm 1936.

+ Khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 dẫn đến ở nước Đức mọi người đua nhau rút tiền, do đó Ngân hàng Trung ương Đức đã phải dùng vàng trả nợ nước ngoài và do đó số trữ kim gần như không còn. Tiến sĩ Schacht (1933 – 1936) đã áp dụng chính sách tiền tài trợ bằng cách phát hành trái phiếu, để tài trợ sản xuất và những chương trình kinh tế, xã hội lớn. Biện pháp này làm giảm 50% thất nghiệp, sản xuất tăng 41% (1934). Từ đó, nhiều nhà kinh tế cho rằng giá trị tiền tệ không phải dựa vào dự trữ vàng như các quan điểm trước đây.

1. ***Bút tệ :***

 Bút tệ là một loại tiền vô hình, được hình thành và sử dụng bằng cách ghi chép trên số sách kế toán của ngân hàng.

 Bút tệ là tiền phi vật chất, nhưng nó có những tính chất như tiền giấy là được sử dụng trong thanh toán qua những công cụ thanh toán của ngân hàng như séc, lệnh, chuyển tiền.

Ưu điểm của hình thức bút tệ là an toàn hơn, chuyển đổi ra tiền giấy, dễ dàng vận chuyển và thanh toán thuận tiện đặc biệt là kiểm nhận nhanh chóng.

1. ***Tiền điện tử :***

Với sự phát triển mạnh mẽ của tin học và công nghệ ngân hàng một hình thái tiền tệ mới xuất hiện là tiền điện tử.

Tiền điện tử là thứ tiền được sử dụng qua hệ thống thanh toán tự động hay còn gọi là họp ATM (Automated teller machine ) ATM là một hệ thống máy tính điện tử nối mạng với toàn bộ hệ thống ngân hàng trung gian và hầm chứa tiền mặt của chính phủ. Khi chúng ta đến ngân hàng trung gian gởi tiền thì ngân hàng thì ta nhận được một tấm cạt bằng nhựa với mật mã để sử dụng, chúng ta dùng nó để rút tiền hoặc chuyển tiền từ tài khoản của mình.

*Tóm lại* , lịch sử tiền tệ trải qua các giai đoạn hình thành và phát triển đã nảy sinh ra tiền tệ dưới nhiều hình thái khác nhau. Và mỗi hình thái đều ra đời và tồn tại trên cơ sở kinh tế, xã hội nhất định.